

Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2019.
“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lệ Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Phú
2. Ông Dương Hải Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Chiến – Là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Linh Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2019/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Minh P, sinh năm: 1981; cư trú tại: số nhà 4/22 đường X, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Có mặt)
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Viết T, sinh năm: 1970; cư trú tại: số nhà 4/22 đường X, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Minh P trình bày thì: Bà P và ông Nguyễn Viết T chung sống với nhau từ năm 1998 đến năm 1999 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Đ. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng sống chung với gia đình chồng tại số 04/22 đường X, phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông T ham chơi cờ bạc, gây nợ nần, thường xuyên đi chơi qua đêm, không về nhà và có những lời nói xúc phạm, không tôn trọng bà, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích, gây ồn ào ảnh hưởng đến mọi người xung quanh. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân gần 01 năm nay, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay bà P xác định không còn tình cảm

vợ chồng với ông T, vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Nguyễn Viết V A, sinh năm 1999, Nguyễn Viết P A, sinh năm: 2000 (đều đã thành niên), cháu Nguyễn Viết T A, sinh ngày 20/11/2009 và cháu Nguyễn Viết T A2, sinh ngày 20/11/2009. Hai cháu T A và T A2 có nguyện vọng ở với ai thì người đó chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P xác định không có.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 25/4/2019, bị đơn ông Nguyễn Viết T trình bày thì: ông T thống nhất về thời điểm kết hôn, nơi đăng ký kết hôn và việc tự nguyện kết hôn giữa ông và bà P như bà P đã trình bày. Ông T xác định, vợ chồng ông chung sống hoà thuận, bình thường đến năm 2005 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm về sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, chung sống không hạnh phúc. Hiện vợ chồng vẫn sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau nữa. Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông T xác định vợ chồng có 04 con chung như bà P trình bày. Hai con Nguyễn Viết V A và Nguyễn Viết P A đều đã thành niên. Ly hôn, ông T yêu cầu được nuôi hai con Nguyễn Viết T A và Nguyễn Viết T A2, ông T không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ các thông báo cho ông T, tuy nhiên ông T không đến Toà nên Toà án không tiến hành hoà giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, bà P xác định vợ chồng bà không còn khả năng hàn gắn nên vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Ngoài nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng mà bà đã trình bày như trên thì một phần nguyên nhân nữa là do ông T thường hay ghen tuông vô cớ nên có những lời lẽ xúc phạm đến bà. Năm 2017, bà đã gửi đơn ly hôn nhưng sau đó rút đơn đề cho ông T thêm cơ hội sửa đổi nhưng ông T vẫn không thay đổi. Bà xin ly hôn thì ông T cũng đồng ý và bà đã về nhà bố mẹ bà sống đã 02 tháng nay. Về con chung thì bà đồng ý giao 02 con Nguyễn Viết T A và Nguyễn Viết T A2 cho ông T nuôi dưỡng theo nguyện vọng của con. Bà xác định từ khi bà về nhà bố mẹ thì ông T luôn chăm lo cho hai con và cũng lo làm ăn nên ông T đủ khả năng nuôi con, bà sẽ tự thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với các con. Về tài sản chung và nợ chung: bà P xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án cũng như giải quyết vụ án, thì chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà P và ông T là có xảy ra và đã trầm trọng. Bà P yêu cầu ly hôn, ông T cũng đồng ý ly hôn, vợ chồng không còn khả năng

hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P, cho bà P và ông T ly hôn. Đề nghị giao 02 cháu Nguyễn Viết T A và cháu Nguyễn Viết T A2, cùng sinh ngày 20/11/2009 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng theo nguyện vọng của hai con, ông T không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con và hai bên xác định vợ chồng không có nợ chung nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ lần thứ hai đối với bị đơn ông Nguyễn Viết T để tham gia phiên tòa sơ thẩm, tuy nhiên ông T vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Trần Thị Minh P và ông Nguyễn Viết T kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà P là do ông T thường xuyên đi chơi qua đêm, cờ bạc và hay ghen tuông vô cớ nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Bản thân ông T cũng xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ năm 2005 cho đến nay, nguyên nhân là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay hai bên đều xác định vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm trách nhiệm gì với nhau nữa. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà P và ông T là có xảy ra, kéo dài và đã trầm trọng, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà P yêu cầu ly hôn, ông T cũng đồng ý ly hôn, tuy nhiên, do ông T vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử chấp nhận yêu cầu của bà P, cho bà P và ông T ly hôn.

[3] Về con chung: bà P và ông T có 04 con chung là Nguyễn Viết V A, sinh năm 1999, Nguyễn Viết P A, sinh năm: 2000 (đều đã thành niên), cháu Nguyễn Viết T A, sinh ngày 20/11/2009 và cháu Nguyễn Viết T A2, sinh ngày 20/11/2009. Ông T yêu cầu được nuôi 02 cháu Nguyễn Viết T A và Nguyễn Viết T A2, bà P cũng đồng ý. Xét thấy, hai cháu T A và T A2 hiện đang sống chung với ông T và gia đình nội, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với ông T nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao 02 cháu T A và T A2 cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: ông T không yêu cầu nên không đề cập.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác định không có nợ chung nên không đề cập.

[6] Về án phí: Bà P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Trần Thị Minh P và ông Nguyễn Viết T ly hôn.

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Viết T A, sinh ngày 20/11/2009 và Nguyễn Viết T A2, sinh ngày 20/11/2009 cho ông Nguyễn Viết T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai con đủ tuổi thành niên.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp, không trực tiếp nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Minh P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà P đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0011913 ngày 06 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP Đà Lạt;
- Chi cục THADS TP Đ;
- UBND phường C, TP Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Lệ Quyên